

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 72/HĐND-VHXXH ngày 18/3/2026 của HĐND tỉnh về thống nhất xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh; trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1523/TTr-SVHTTDL ngày 17/4/2026 và ý kiến thống nhất của Ủy viên UBND tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi sáp nhập tỉnh, HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ

chức các giải thi đấu thể thao tỉnh Kon Tum (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum). Ngày 24/10/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (mới) ban hành Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND về áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND.

Đồng thời, ngày 16/12/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 30/01/2026 và bãi bỏ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao. Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính nêu: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải.”

Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Đảm bảo tính pháp lý cho việc thực hiện mức chi đối với các giải thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ngãi theo Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính và kịp thời xử lý các văn bản quy phạm pháp luật trước sáp nhập theo chỉ đạo Trung ương, của Tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025; Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14; đồng thời phù hợp với Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan; kế thừa những nội dung còn phù hợp của các Nghị quyết đã ban hành trước đó và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương theo mô hình hai cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 72/HĐND-VHXXH ngày 18/3/2026 về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và thực hiện lấy ý kiến góp ý

của các cơ quan, đơn vị, địa phương; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 162/BC-STP ngày 17/4/2026. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo hồ sơ trình UBND tỉnh. Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh xin ý kiến lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến Ủy viên UBND tỉnh theo quy chế làm việc để làm cơ sở trình HĐND tỉnh.

Đến nay, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm có 05 Điều, gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định nội dung chi và mức chi.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Đại hội thể dục thể thao; Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao; Hội thi thể thao quần chúng; Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật; Hội khỏe Phù Đổng.

b) Đối tượng áp dụng

- Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định.

- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; Thành viên Ban Tổ chức, các Tiểu ban giải thi đấu thể thao từng môn thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

- Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý; thư ký trọng tài, điều phối viên; Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ.

- Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu; Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Những nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

d) Quy định nội dung chi và mức chi

- Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

+ Đối tượng và mức chi

TT	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
I	Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh	
1	Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban và phó trưởng các tiểu ban	240.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	240.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	170.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao quần chúng, Hội khỏe Phù Đổng)	
6.1	Người tập	
-	Tập luyện	80.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	120.000/buổi
-	Chính thức	195.000/buổi
6.2	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	170.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal.	
7.1	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	400.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	270.000/buổi
-	Điều phối viên	200.000/buổi
7.2	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	270.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/buổi
-	Điều phối viên	150.000/buổi

II	Đại hội, giải thi đấu thể thao xã, phường, đặc khu và các sở, ngành	Bằng 80% mức chi cấp tỉnh.
----	--	-----------------------------------

- Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

+ Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

+ Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

- Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại: Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu, mức chi cụ thể:

+ Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại trong thời gian tham gia giải thi đấu được thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

+ Người thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi đi công tác phục vụ đại hội, giải thi đấu được hưởng chế độ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Nghị quyết này.

- Mức chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn thực hiện theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với việc sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

- Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực, điều kiện đảm bảo

- Tuân thủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Việc áp dụng kinh phí thực hiện Nghị quyết mới không phát sinh thêm kinh phí so với việc áp dụng Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND.

3. Dự kiến thời gian trình thông qua: Kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa XIV (dự kiến tổ chức vào tháng 4/2026).

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không có.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh;

(2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết;

(3) Báo cáo số 162/BC-STP ngày 17/4/2026 của Giám đốc Sở Tư pháp kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

(4) Báo cáo số 1519/BC-SVHTTDL ngày 17/4/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

(5) Báo cáo số 1273/BC-SVHTTDL ngày 06/4/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ chức các giải thi đấu thể thao tỉnh Kon Tum (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
- Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính, Tư pháp; Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, NC;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TTT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Ngọc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đối với các giải
thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng .. năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm:

- Đại hội thể dục thể thao.
- Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao.
- Hội thi thể thao quần chúng.
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.
- Hội khỏe Phù Đổng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng.

c) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban giải thi đấu thể thao từng môn thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

d) Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý; thư ký trọng tài, điều phối viên.

đ) Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ.

e) Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

f) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Những nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

Điều 2. Quy định nội dung chi và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a. Đối tượng và mức chi

TT	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
I	Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh	
1	Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban và phó trưởng các tiểu ban	240.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	240.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	170.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao quần chúng, Hội khỏe	

	Phù Đồng)	
6.1	Người tập	
-	Tập luyện	80.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	120.000/buổi
-	Chính thức	195.000/buổi
6.2	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	170.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal.	
7.1	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	400.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	270.000/buổi
-	Điều phối viên	200.000/buổi
7.2	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	270.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/buổi
-	Điều phối viên	150.000/buổi
II	Đại hội, giải thi đấu thể thao xã, phường, đặc khu và các sở, ngành	Bằng 80% mức chi cấp tỉnh.

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

- Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại:

Đối với các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này: Thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu, mức chi cụ thể như sau:

- Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại trong thời gian tham gia giải thi đấu được thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025

Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

- Người thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi đi công tác phục vụ đại hội, giải thi đấu được hưởng chế độ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Mức chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn thực hiện theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với việc sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

- a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;
- b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, hộp báo, hội nghị, hội thao, tập huấn trọng tài.
- c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải.
- d) Chi làm huy chương, cờ, cúp.
- đ) Chi in vé, giấy mời.
- e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu.
- g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật).
- h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết này. Nhiệm vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 4 năm 2026.
- 2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết và nội dung sau hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh Kon Tum về quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ chức các giải thi đấu thể thao tỉnh Kon Tum (được quyết định tiếp tục áp dụng tại số thứ tự 4 Mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi).

b) Nội dung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa ... Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH